TỈNH UỶ ĐỒNG THÁP

**BAN TUYÊN GIÁO**

**---**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**DÀNH CHO BÁO CÁO VIÊN**

**THÁNG 01 NĂM 2022**

*(Lưu hành nội bộ)*



**Đồng Tháp, ngày 10/01/2022**

**I- PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO KHOAN DUNG, ĐỘ LƯỢNG CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ NHỮNG GỢI MỞ CHO CÔNG TÁC CÁN BỘ HIỆN NAY**

Nhà lãnh đạo chính trị Hồ Chí Minh không chỉ được yêu mến, ca ngợi bởi tư tưởng, đạo đức của Người, mà còn bởi phong cách, trong đó có phong cách lãnh đạo rất đặc biệt của Người.

 **PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO KHOAN DUNG, ĐỘ LƯỢNG - NGUỒN SỨC MẠNH QUY TỤ, CHUYỂN HÓA**

Nhà lãnh đạo chính trị Hồ Chí Minh không chỉ được yêu mến, ca ngợi bởi tư tưởng, đạo đức của Người, mà còn bởi phong cách, trong đó có phong cách lãnh đạo rất đặc biệt của Người.

Phong cách nhà lãnh đạo Hồ Chí Minh không chỉ gây nên những xúc cảm mạnh mẽ, tích cực ở những người tiếp xúc, tìm hiểu; mà còn gợi mở hình mẫu có giá trị tham khảo quý báu về một nhà lãnh đạo chính trị trong thế giới hiện đại và cả tương lai, không chỉ cho giới nghiên cứu Chính trị học, mà còn cho chính những nhà lãnh đạo chính trị trong hiện thực. Jawaharlan Nehru, một nhà lãnh đạo chính trị tầm cỡ thế giới đã từng viết về Hồ Chí Minh với đầy lòng kính trọng: “Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhân vật rất vĩ đại của thế giới trong lịch sử 50 năm gần đây: một người hoà nhã, thân ái, dễ mến, không phô trương, khiêm tốn, một người của quần chúng, một người chân thực”; “Ngoài phần gặp gỡ một con người vĩ đại, chúng ta đã gặp một mảng của lịch sử. Do đó chúng ta không chỉ được nâng tầm tư tưởng, suy nghĩ mà còn được lớn lên ở bên Người”.

Trong phong cách nhà lãnh đạo Hồ Chí Minh, có một nét đặc sắc, độc đáo, đó là sự khoan dung, độ lượng. Nói đến lãnh đạo là nói đến quan hệ giữa người lãnh đạo và đối tượng được lãnh đạo, trong đó vai trò của người lãnh đạo là *dẫn đường* cho đối tượng được lãnh đạo. Quan hệ lãnh đạo không loại trừ quyền lực cứng, nhưng chủ yếu dựa trên quyền lực mềm, trên sức mạnh của sự thuyết phục của người lãnh đạo và tinh thần tự nguyện của người được lãnh đạo. Chính vì thế, khoan dung, độ lượng để nhìn khắp, thấy hết, không bỏ sót ai, mở rộng tối đa đối tượng được lãnh đạo; đồng thời nhân ái, bao dung để chấp nhận cái khác biệt, để giáo dục, bồi dưỡng, nâng đỡ những đối tượng còn yếu kém, thậm chí đã từng lạc lối lầm đường; để công tâm, khách quan sử dụng, phát huy nhiều kiểu người tài; ngăn chặn, loại bỏ những tật bệnh có thể làm hỏng công tác cán bộ; v.v., qua đó phát triển cả về *lượng* và *chất* đối tượng được lãnh đạo, thúc đẩy sự nghiệp cách mạng thành công. Khoan dung, độ lượng một cách khoa học, cách mạng và nhân văn như thế còn tạo nên, củng cố, tăng cường sức hấp dẫn, cảm hóa của người lãnh đạo, và vì thế thực sự là một giá trị cốt lõi trong văn hóa lãnh đạo, một bí quyết thành công trong lãnh đạo.

Trong thực tiễn, phong cách khoaN dung, độ lượng của nhà lãnh đạo Hồ Chí Minh đã trở thành một nguồn sức mạnh quy tụ, chuyển hóa, giúp Người và Đảng Cộng sản Việt Nam do Người lãnh đạo có thể tập hợp và phát huy mạnh mẽ nguồn lực con người, nguồn lực văn hóa, góp phần quan trọng làm nên những thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam. Đây thật sự là một tài nguyên vô cùng quý báu, cần tiếp tục được đi sâu nghiên cứu, khai thác, nhất là đối với đội ngũ những người lãnh đạo.

 **KHOAN DUNG, ĐỘ LƯỢNG - NÉT ĐẶC SẮC TRONG PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO HỒ CHÍ MINH**

*Trước hết*, phong cách khoan dung, độ lượng của nhà lãnh đạo Hồ Chí Minh là sự kết tinh tinh hoa tư tưởng - văn hóa chính trị Đông - Tây.

Phong cách khoan dung, độ lượng của Hồ Chí Minh đặc biệt bắt nguồn từ truyền thống khoan hòa trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Ta nhìn thấy trong phong cách Hồ Chí Minh tấm lòng rộng lượng của con người Việt Nam trong các ứng xử xã hội, thấy triết lý khoan giản an lạc của Phật Hoàng Trần Nhân Tông, thấy kế sách khoan thư sức dân của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, thấy đạo nghĩa khoan dung, vị tha của Nguyễn Trãi, Quang Trung,… Chính truyền thống khoan hòa, hiện thân của đức Chí Nhân của dân tộc Việt Nam, là mạch nguồn chủ yếu dung dưỡng nên phong cách khoan dung, độ lượng Hồ Chí Minh.

Trên nền tảng văn hóa dân tộc, ta còn có thể thấy dấu ấn của tư tưởng – văn hóa chính trị Nho giáo trong phong cách khoan dung, độ lượng Hồ Chí Minh. Sách Luận Ngữ - công trình phản ánh tư tưởng của Khổng tử, người sáng lập nên Nho giáo - đã rất coi trọng chữ “Khoan”. Thiên Dương Hóa trong sách Luận Ngữ chép, khi học trò của Khổng tử là Tử Trương hỏi về đức Nhân, Khổng tử đã trả lời rằng: “có thể thực hiện 5 điều sau đây trong thiên hạ, đó là Nhân”, và ông giải thích 5 điều đó là: “cung, khoan, tín, mẫn, huệ: cung thì không khinh mạn, khoan tất sẽ được lòng người, tín thì được mọi người gửi gắm, mẫn thì có công lao, huệ thì đủ để sai khiến người”. Như vậy, cùng với cung kính, tín nhiệm, cần mẫn và ân huệ, sự khoan hậu là một hiện thân của đức Nhân, một đức tính của người lãnh đạo, một giá trị cần được phổ quát hóa trong xã hội. Hệ quả của Khoan, theo Khổng tử, chính là được lòng người, quy tụ được lực lượng đông đảo - “khoan tắc đắc chúng”. Khổng tử từng nói rõ với những người lãnh đạo: “Kẻ ở trên mà không rộng lượng, hành lễ mà không có sự kính trọng, đến chỗ tang tế mà không bi ai - những kẻ đó còn gì đáng để mắt đến?”. Là một người xuất thân trong gia đình Nho học, từ bé đã được giáo dục “kinh nghiệm đạo đức và phép ứng xử” của Nho gia, có thể khẳng định tinh thần “khoan tắc đắc chúng” của các bậc chân Nho ưu thời mẫn thế, không chỉ qua sách vở, mà còn qua phong cách hiện thực của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, cùng bao nhà Nho yêu nước Việt Nam khác, đã sớm thấm sâu vào cậu bé Nguyễn Sinh Cung, để rồi sau này trở thành một nét đặc sắc trong phong cách của Hồ Chí Minh.

Không chỉ tư tưởng - văn hóa phương Đông, mà nhiều giá trị văn hóa phương Tây cũng góp phần hình thành nên phong cách khoan dung, độ lượng của Hồ Chí Minh. Chính Hồ Chí Minh đã nhiều lần ca ngợi “lòng nhân ái cao cả” trong tôn giáo do Đức Chúa Giê-su sáng lập, ca ngợi lý tưởng Bác ái của Đại Cách mạng Pháp, v.v., và cả phong cách “dũng cảm và rộng lượng” của các nhà sáng lập Chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong bài *Lênin và các dân tộc thuộc địa* (21/7/1924), Hồ Chí Minh đã dùng những chữ “dũng cảm và rộng lượng” để viết về phong cách mẫu mực của Lênin - người thầy của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

*Tiếp đó*, phong cách khoan dung, độ lượng của Hồ Chí Minh còn là ánh phản của sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam đại nghĩa, chính nghĩa, quang minh chính đại, văn minh dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam. Chính Hồ Chí Minh, trong bức thư gửi đồng bào Nam Bộ ngày 26/9/1945, đã nói rõ: “Đối với những người Pháp bị bắt trong lúc chiến tranh, ta phải canh phòng cẩn thận, nhưng phải đối đãi với họ cho khoan hồng. Phải làm cho thế giới, trước hết là làm cho dân Pháp biết rằng: Chúng ta là quang minh chính đại. Chúng ta chỉ đòi quyền độc lập tự do, chứ chúng ta không vì tư thù tư oán, làm cho thế giới biết rằng chúng ta là một dân tộc văn minh, văn minh hơn bọn đi giết người cướp nước”. Thấu hiểu sâu sắc sức mạnh vĩ đại của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, tận mắt chứng kiến các tầng lớp người Việt Nam, từ các vị vua quan yêu nước, đến mọi giai tầng trong xã hội, đều xả thân vì đại nghiệp giải phóng và phát triển của đất nước, Hồ Chí Minh đã đúc rút một chân lý rằng: “Đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc”, đều có mầm Thiện ở trong lòng, vấn đề chỉ là người lãnh đạo có thấy được và có tìm ra cách khơi dậy, phát huy những giá trị đó hay không, và sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam đã, đang và sẽ là sự nghiệp của đại đoàn kết toàn dân, chứ không phải sự nghiệp của riêng ai. Nói cách khác, khoan dung, độ lượng là một đòi hỏi khách quan của chính hiện thực sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam, đã được Hồ Chí Minh nhận thức, và vì thế, chuyển hoá thành tư tưởng, đạo đức và phong cách của Người.

*Nhất là*, phong cách khoan dung, độ lượng chính là hiện thân của tâm hồn, khí phách, nhân cách cao đẹp của nhà lãnh đạo Hồ Chí Minh - bậc Đại Nhân, Đại Chí, Đại Dũng. Ngay từ năm 1923, nhà báo Ôxíp Manđenxtam đã nhận ra điều này khi tiếp xúc với Nguyễn Ái Quốc: “Từ Nguyễn Ái Quốc đã toả ra một thứ văn hoá, không phải văn hoá Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hoá tương lai… Qua phong thái thanh cao, trong giọng nói trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như nghe thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mênh mông của tình hữu ái toàn thế giới”.

Có thể thấy rằng phong cách lãnh đạo khoan dung, độ lượng Hồ Chí Minh là sự kết tinh tinh hoa tư tưởng - văn hóa dân tộc và nhân loại, phán ánh đúng và đáp ứng được đòi hòi của thực tiễn sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam, là một hiện thân của nhân cách Hồ Chí Minh, vì thế, có giá trị to lớn, cần được trân trọng nghiên cứu, học tập.

**HỒ CHÍ MINH - TẤM GƯƠNG TU DƯỠNG, THỰC HÀNH PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO KHOAN DUNG ĐỘ LƯỢNG**

Hồ Chí Minh là con người thống nhất giữa tri và hành, giữa nói và làm, giữa tư tưởng, đạo đức và phong cách. Điều này cũng được thấy rõ khi nghiên cứu phong cách lãnh đạo khoan dung, độ lượng Hồ Chí Minh.

*Trên bình diện tư tưởng*, Hồ Chí Minh luôn chỉ rõ, khoan dung, độ lượng là một phẩm chất của người cách mạng, đặc biệt là của cán bộ lãnh đạo cách mạng. Quan điểm này của người là nhất quán, kiên trì trong mọi tình huống cách mạng khác nhau. Tùy từng hoàn cảnh, đối tượng, sắc thái nội dung, Hồ Chí Minh sử dụng nhiều từ khác nhau để nói đến phong cách này: khoan thứ, khoan hòa, khoan dung, khoan hồng…

Ngay trong những bài giảng tại Hội Việt Nam cách mạng thanh niên năm 1925, sau này được in thành sách *Đường Kách mệnh* (1927), khi nói đến tư cách một người cách mệnh, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Với từng người thì khoan thứ”. Khoan thứ ở đây bao gồm: (1) khoan hòa, tức là rộng rãi, hòa hợp với mọi người, và (2) lượng thứ, tức là rộng lòng tha thứ cho người. Quan niệm này tiếp tục được Hồ Chí Minh nhắc lại trong bài *Người cách mạng mẫu mực* (18/9/1926): “Người cách mạng mẫu mực phải khiêm tốn, khoan hoà, lượng thứ…”. Năm 1957, trong bài nói chuyện tại lớp chỉnh huấn trung, cao cấp của Bộ Quốc phòng và các lớp trung cấp của các tổng cục, Người nhấn mạnh: “Khiêm tốn và rộng lượng, đó là hai đức tính mà người cách mạng nào cũng phải có”. Điều đặc biệt là, đối với người lãnh đạo, Hồ Chí Minh càng khẳng định cần phải có đức Khoan. Nhân luận bàn về cách huấn luyện cán bộ quân sự của Khổng Minh, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Trọng người hiền tốt, ưa người lẽ phải, khoan hồng và cương trực, dũng cảm và nhiều mưu, đó là *đại tướng*”.

 Để giúp hiểu đúng về đức tính khoan dung, độ lượng, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ mặt đối lập của nó là sự hẹp hòi - biểu hiện của tính tự kiêu, tự mãn; và nhiều lần Người đã dùng hình ảnh so sánh để làm nổi bật sự đối lập giữa hai tính cách này. Chẳng hạn, trong bài nói về bệnh tự kiêu, tự ái, Hồ Chí Minh viết: “Tự kiêu là hẹp hòi… Thí dụ một cái cốc, vì hẹp hòi mà chỉ đựng được rất ít nước, thêm một chút nước nữa, là phải tràn. Trái với cái độ lượng rộng lớn của bể, bao nhiêu nước cũng vẫn chứa được”. Trong bài *Cần, kiệm, liêm, chính*, Người nói rõ thêm: “Sông to, biển rộng, thì bao nhiêu nước cũng chứa được, vì độ lượng nó rộng và sâu. Cái chén nhỏ, cái đĩa cạn, thì một chút nước cũng đầy tràn, vì độ lượng nó hẹp nhỏ. Người mà tự kiêu, tự mãn, cũng như cái chén, cái đĩa cạn”. Và Người rút ra kết luận: “Như sông như bể mới gọi là độ lượng của người cách mạng”.

Như vậy, có thể thấy, nếu phong cách là những đức tính bên trong, thể hiện ra bên ngoài ở cách sống, cách hành xử, được thực hiện trước sau như một, trở thành nét nổi bật, đặc trưng ở chủ thể hành động, thì với Hồ Chí Minh, khi Người luôn nhấn mạnh, luôn yêu cầu cán bộ, đảng viên, Nhân dân, nhất là cá bộ lãnh đạo phải luôn trau dồi và thực hành khoan dung, độ lượng, thì khoan dung, độ lượng chính là một phong cách của người cách mạng, trong đó có người cán bộ lãnh đạo cách mạng.

Không chỉ khẳng định người cán bộ lãnh đạo cách mạng cần có đức tính, phong cách khoan dung, độ lượng, Hồ Chí Minh còn luận giải sâu về giá trị mà đức tính, phong cách này mang lại, xét trên cả hai phương diện:

Thứ nhất, *với mình*, là hoàn thiện bản thân. Người chỉ rõ: “Tài đức độ lượng nhỏ nhen, không bao dung được những ý kiến và những phê bình của người khác”. Rõ ràng, những người không có khả năng lắng nghe, tiếp thu những ý kiến đóng góp, phê bình, kể cả của cấp dưới, thì những người đó không thể tiến bộ được. Trái lại, biết tôn trọng, chấp nhận cái khác biệt, cầu đồng tồn dị, thì không những thể hiện đức khoan dung, độ lượng, mà còn có khả năng không ngừng bồi dưỡng đạo đức, nhân cách của mình, qua đó mà trưởng thành thêm.

Thứ hai, *với người*, là tập hợp, giáo dục, sử dụng và phát huy được cán bộ, hay rộng hơn là các lực lượng cách mạng.

Theo Hồ Chí Minh, “mình phải có độ lượng vĩ đại thì mới có thể đối với cán bộ một cách chí công vô tư, không có thành kiến, khiến cho cán bộ khỏi bị bỏ rơi”; “Phải có tinh thần rộng rãi, mới có thể gần gũi những người mình không ưa”. Như thế, khoan dung, độ lượng chính là để “cán bộ không bị bỏ rơi”, để tập hợp rộng rãi lực lượng. Những người lãnh đạo càng cao, càng cần có đức tính, phong cách này, có như vậy với thành đại đoàn kết. Có đại đoàn kết cách mạng mới đại thành công, tương lai chắc chắn sẽ vẻ vang. Quan điểm này của Hồ Chí Minh thể hiện rõ tính nhân văn, tính cách mạng sâu sắc.

Người còn chỉ rõ, có khoan dung, độ lượng mới có thể không chỉ tập hợp rộng rãi, đông đảo lực lượng, mà còn có thể giáo dục, bồi dưỡng những đối tượng còn kém, từ đó không ngừng nâng cao chất lượng của lực lượng cách mạng. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, “phải có tính chịu khó dạy bảo, mới có thể nâng đỡ những đồng chí còn kém, giúp cho họ tiến bộ”; “Các đồng chí già là rất quý, là gương bền bỉ đấu tranh, dìu dắt, bồi dưỡng, đào tạo thêm đồng chí trẻ. Đồng chí già phải giúp đỡ cho đồng chí trẻ tiến bộ. Như thế đòi hỏi ở đồng chí già phải có thái độ độ lượng, dìu dắt đồng chí trẻ. Đó cũng là một tiêu chuẩn đạo đức cộng sản chủ nghĩa”.

Khoan dung, độ lượng, theo Hồ Chí Minh, còn là cơ sở để sử dụng cán bộ, sử dụng các lực lượng cách mạng. Người nhấn mạnh: “Khoan hồng là biết dùng người”. Mà biết dùng người, khéo dùng người, thì người tài ngày một nhiều thêm, lực lượng cách mạng ngày một đông đảo và được phát huy. Đó là gốc của thành công.

Như vậy, có thể thấy rằng, nếu công tác cán bộ là công tác gốc của Đảng, thì khoan dung, độ lượng, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, chính là một cơ sở, điều kiện tiên quyết để có thể thực hiện thành công nhiều khâu của công tác cán bộ, đồng thời, giúp tránh được nhiều tật bệnh liên quan đến cán bộ, đến lực lượng cách mạng như cánh hẩu, đố kị, coi khinh quần chúng, v.v… Chính vì quan trọng như vậy, nên theo Hồ Chí Minh, khoan dung, độ lượng phải trở thành cách nhìn thế giới, cách nhìn đời, nhìn người của người cách mạng: “Cái nhìn của người cách mạng phải rộng rãi, thái độ phải khiêm tốn”. Cách nhìn độ lượng, rộng rãi, để thấy sức mạnh vĩ đại của thế giới, của cuộc đời, của con người, từ đó mà nhìn lại chính mình, để trở nên khiêm tốn. Khoan dung, độ lượng khi hướng ra bên ngoài như thế, có sức tạo sinh mạnh mẽ những phẩm chất tốt đẹp trong chủ thể, khi chủ thể hướng cách nhìn đó trở lại chính mình. Giá trị với người, với mình của đức tính, phong cách khoan dung, độ lượng hòa quyện chặt chẽ với nhau.

*Trên bình diện đạo đức, phong cách*, rõ ràng, Hồ Chí Minh không chỉ nói về khoan dung, độ lượng, mà bản thân Người luôn trau dồi, thực hành đức tính đó một cách kiên trì, bền bỉ, từ đó hình thành nên phong cách của Người. Có thể đưa ra biết bao nhiêu dẫn chứng về phong cách khoan dung, độ lượng của nhà lãnh đạo Hồ Chí Minh, từ cách nhìn đến cách ứng xử của Người đối với các đối tượng khác nhau trong suốt cuộc đời cách mạng của Người. Đúng như đánh giá của Jawaharlan Nehru: “Hồ Chủ tịch là một người có độ lượng rộng rãi”.

Tóm lại, có thể thấy rằng, Hồ Chí Minh đã để lại nhiều quan điểm sâu sắc, có giá trị lý luận và thực tiễn về đức tính, phong cách khoan dung, độ lượng và bản thân Người, trong suốt cuộc đời đã luôn tu dưỡng, thực hành đức tính này, để từ đó hình thành nên một phong cách lãnh đạo khoan dung, độ lượng độc đáo, đặc sắc, có giá trị gợi mở to lớn đối với hiện nay.

 **NHỮNG GỢI MỞ CHO CÔNG TÁC CÁN BỘ TRONG TÌNH HÌNH HIỆN  NAY**

Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động, luôn coi trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ. Đặc biệt, trong những năm gần đây, Đảng đã rất chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cao nhất là cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược. Trong xây dựng đội ngũ, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng nhấn mạnh xây dựng toàn diện cả tư tưởng, đạo đức, phong cách cho cán bộ. Chỉ thị số 05 ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” ra đời đến nay đã chỉ rõ: “Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một nội dung quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đủ năng lực, phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu”. Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, đã chỉ rõ việc đẩy mạnh học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một trong những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu.

Trong bối cảnh đó, từ nghiên cứu phong cách lãnh đạo khoan dung, độ lượng của Hồ Chí Minh, có thể đúc rút một vài gợi mở như sau:

*Thứ nhất*, cần phải nâng cao nhận thức của cán bộ lãnh đạo về sự cần thiết học tập phong cách lãnh đạo Hồ Chí Minh, trong đó có phong cách khoan dung, độ lượng. Phong cách lãnh đạo Hồ Chí Minh, qua kiểm chứng của thực tiễn, không chỉ giúp hoàn thiện người lãnh đạo, mà còn là một bí quyết để lãnh đạo thành công, là một giá trị trong văn hóa lãnh đạo Việt Nam hiện đại.

*Thứ hai*, phong cách là sự ngoại hiện của tư tưởng và đạo đức. Vì thế, xây dựng phong cách lãnh đạo khoan dung, độ lượng cần phải bắt đầu từ xây dựng tư tưởng và đức tính khoan dung, độ lượng trong cán bộ lãnh đạo, người lãnh đạo phải có tư tưởng sâu sắc về khoan dung, độ lượng và khoan dung, độ lượng phải thực sự là đức tính của người lãnh đạo trong các mối quan hệ.

*Thứ ba*, hạt nhân quan trọng bậc nhất của khoan dung, độ lượng, đó đức Nhân. Nhân là yêu thương con người, là tình thương yêu của cán bộ lãnh đạo dành cho cấp dưới và Nhân dân. Trau dồi đức Nhân là tạo dựng giá trị cốt lõi cho phong cách khoan dung, độ lượng của cán bộ lãnh đạo.

*Thứ tư*, tư tưởng, đạo đức, phong cách khoan dung, độ lượng liên quan mật thiết đến quá trình tu dưỡng, rèn luyện của bản thân cán bộ lãnh đạo cũng như đến công tác cán bộ, vì thế, việc xây dựng tư tưởng, đạo đức, phong cách này phải được thực hiện bằng những kế hoạch cụ thể, với quyết tâm cao, gắn liền với công tác kiểm tra, đánh giá từ phía tổ chức, chiến sĩ và Nhân dân, trong đó sự nỗ lực tự giác của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy là rất quan trọng.

*Tóm lại*, phong cách lãnh đạo khoan dung, độ lượng của Hồ Chí Minh là một tài nguyên vô cùng quý báu. Việc đi sâu nghiên cứu và áp dụng một hệ giải pháp đồng bộ để xây dựng phong cách khoan dung, độ lượng nói riêng, phong cách lãnh đạo Hồ Chí Minh nói chung cho cán bộ lãnh đạo, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược, là nhiệm vụ có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc.

**II- ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI TRONG VĂN KIỆN ĐẠI HỘI ĐẢNG XIII KẾ THỪA, PHÁT TRIỂN VÀ HOÀN THIỆN TỪ ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI THỜI KỲ ĐỔI MỚI**

Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh và phát huy truyền thống, bản sắc ngoại giao hòa hiếu, giàu tính nhân văn của dân tộc, đường lối đối ngoại của Đảng ta luôn được phát triển và hoàn thiện trong các giai đoạn cách mạng. Trên cơ sở kế thừa đường lối đối ngoại qua các kỳ đại hội Đảng trong thời kỳ đổi mới, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII tiếp tục phát triển và hoàn thiện đường lối đối ngoại của Đảng trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

**Nhìn lại đường lối đối ngoại của Đảng trong 35 năm Đổi mới**

Phát huy mạnh mẽ tư duy đổi mới được khởi xướng từ Đại hội VI (năm 1986), đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, vì lợi ích quốc gia - dân tộc là sợi chỉ đỏ xuyên suốt đối ngoại thời kỳ đổi mới và được nhận thức ngày càng sâu sắc.

Như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói “ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, thì Đảng không có lợi ích gì khác”, Đảng ta luôn nhận thức sâu sắc lợi ích quốc gia - dân tộc là mục tiêu cao nhất của đối ngoại. Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX (năm 2003) lần đầu tiên nêu rõ các thành tố cơ bản của lợi ích quốc gia - dân tộc. Từ Đại hội XI (năm 2011), Đảng khẳng định lợi ích quốc gia - dân tộc là mục tiêu cao nhất của đối ngoại, trong đó lợi ích giai cấp, lợi ích quốc gia và lợi ích dân tộc thống nhất với nhau trong lợi ích quốc gia - dân tộc.

Trong thời kỳ đổi mới, đối ngoại luôn thực hiện nhiệm vụ bao trùm và thường xuyên là giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ các yếu tố quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao vị thế đất nước. Nhiệm vụ này được nhận thức ngày càng sâu sắc qua các nhiệm kỳ đại hội Đảng. Nghị quyết 13 Bộ Chính trị khóa VI (năm 1988) khởi đầu quá trình đổi mới tư duy và đường lối đối ngoại, đề ra nhiệm vụ tranh thủ ủng hộ quốc tế và xu thế quốc tế hóa để phát triển đất nước. Đến Đại hội XII (năm 2016), Đảng khẳng định rõ nhiệm vụ của đối ngoại gồm ba thành tố an ninh, phát triển và vị thế đất nước.

Từ chủ trương “thêm bạn, bớt thù”, Đảng đã phát triển thành hệ thống quan điểm, phương châm chỉ đạo xuyên suốt đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới là nhất quán thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa; “là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”; nắm vững hai mặt đối tác - đối tượng, vừa hợp tác, vừa đấu tranh; kiên định nguyên tắc, mục tiêu chiến lược, nhưng linh hoạt, khôn khéo về sách lược, “dĩ bất biến, ứng vạn biến”... Cơ chế thực hiện đối ngoại là phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng và quản lý tập trung của Nhà nước.

Với nhận thức Việt Nam là một bộ phận của thế giới, hội nhập kinh tế quốc tế (Đại hội IX) được triển khai mạnh mẽ, sau đó mở rộng sang các lĩnh vực khác và hình thành chủ trương chủ động, tích cực hội nhập quốc tế (Đại hội XI). Chủ trương này là định hướng chiến lược lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là sự nghiệp của toàn dân và cả hệ thống chính trị. Nhận thức về quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế ngày càng sâu sắc, trong đó nhất quán kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, nội lực là quyết định, nguồn lực bên ngoài là quan trọng. Đối ngoại song phương và đa phương từng bước điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện. Từ “tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa” (Đại hội VI) đến hợp tác với tất cả các nước trên cơ sở luật pháp quốc tế, bình đẳng, cùng có lợi. Từ tham gia các diễn đàn quốc tế đến “nỗ lực vươn lên đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt hoặc hòa giải tại các diễn đàn, tổ chức đa phương có tầm quan trọng chiến lược”. Việc thực hiện đường lối đối ngoại đúng đắn của Đảng đã góp phần rất quan trọng giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thuận lợi cho công cuộc đổi mới, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, nâng cao vị thế đất nước. Đến nay, nước ta có quan hệ ngoại giao với 189 trong 193 quốc gia thành viên Liên hợp quốc, trong đó có 30 đối tác chiến lược, đối tác toàn diện gồm tất cả 5 nước ủy viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, 7 nước công nghiệp phát triển hàng đầu (G7) và 17 trong 20 nền kinh tế lớn nhất thế giới (G20)… Từ một nền kinh tế kế hoạch tập trung và khép kín, đến nay Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN có liên kết kinh tế sâu rộng, đã ký và tham gia 17 hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó có các FTA thế hệ mới; kim ngạch xuất nhập khẩu tương đương khoảng 200% GDP, thu hút khoảng 400 tỷ USD vốn FDI đăng ký,…

Việt Nam là thành viên của hầu hết tổ chức quốc tế và diễn đàn đa phương quan trọng, đã tổ chức thành công nhiều hội nghị quốc tế lớn cũng như hoàn thành nhiều trọng trách quốc tế như Ủy viên không thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc (2008 - 2009 và 2020 - 2021), Hội nghị cấp cao ASEAN (1998, 2010 và 2020), Hội nghị cấp cao ASEM (2004), Hội nghị thượng đỉnh APEC (2006, 2017), Diễn đàn Kinh tế giới về ASEAN (2018), Hội nghị thượng đỉnh Hoa Kỳ - Triều Tiên (2019), cử hàng trăm lượt cán bộ, chiến sỹ tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc,…

Những thành tựu đối ngoại nói trên là kết tinh nỗ lực của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta, là điểm sáng trong thành tựu chung của đất nước như Nghị quyết Đại hội XIII đã khẳng định “đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”, trong đó có đóng góp rất quan trọng của đối ngoại, bao gồm đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân.

**Sự kế thừa, phát triển và những điểm mới trong đường lối đối ngoại Đại hội XIII**

Trên cơ sở đánh giá toàn diện thành tựu, bài học, thế và lực của đất nước sau 35 năm đổi mới, bối cảnh quốc tế và trong nước, thời cơ chiến lược cũng như thách thức đặt ra đối với đất nước, Đại hội XIII tiếp tục kế thừa những nội dung xuyên suốt đường lối đối ngoại của Đảng ta thời kỳ đổi mới, đồng thời phát triển và bổ sung nhiều nội dung mới để đối ngoại đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

***1. Về đánh giá, dự báo tình hình thế giới***, Đại hội XIII kế thừa những nhận định lớn của các kỳ đại hội Đảng trước đây, nhất là Đại hội XII, về các đặc điểm có tính quy luật và xu thế lâu dài của thế giới, song cập nhật, điều chỉnh phù hợp với tình hình mới. Đại hội XIII khẳng định hòa bình, hợp tác và phát triển là xu thế lớn, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển, song nhấn mạnh các xu thế này đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn do “thế giới đang trải qua những biến động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo”; Châu Á - Thái Bình Dương có vai trò ngày càng quan trọng, nhưng chỉ rõ đây là khu vực “tiềm ẩn nhiều bất ổn”,… Trong bối cảnh nhiều thách thức an ninh phi truyền thống diễn biến phức tạp, Đảng nhận định tác động của đại dịch Covid-19 sẽ còn kéo dài, “làm thay đổi sâu sắc trật tự, cấu trúc kinh tế, phương thức quản trị toàn cầu, cách thức hoạt động kinh tế và tổ chức đời sống xã hội của thế giới”. Thực tiễn tình hình quốc tế từ Đại hội XIII đến nay đã cho thấy những nhận định nói trên của Đảng là đúng đắn.

Một điểm mới là, trên cơ sở đánh giá Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, Đại hội XIII đã đưa việc tranh thủ thành tựu của cuộc cách mạng này vào nội hàm quan điểm phát triển đất nước, trên cơ sở đó xác định rõ “đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên nền tảng của tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo” là một định hướng lớn trong chiến lược phát triển đất nước đến năm 2030.

Bên cạnh tiếp tục nhận định thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen nhau, Đại hội XIII nêu rõ tình hình thế giới “đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới nặng nề, phức tạp hơn” đối với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đòi hỏi tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, dự báo đúng tình hình, chủ động trước mọi tình huống. Do đó, vai trò của đối ngoại càng quan trọng, nhiệm vụ càng nặng nề, nhất là vai trò tiên phong trong bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, tranh thủ thời cơ và nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển đất nước.

***2. Về mục tiêu đối ngoại***, Đại hội XIII khẳng định “bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc”, tức là đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trước hết và trên hết; đồng thời, chỉ ra nguyên tắc chung là phải luôn nỗ lực đạt được lợi ích quốc gia - dân tộc tới mức cao nhất có thể. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc không có nghĩa nước ta theo chủ nghĩa dân tộc vị kỷ. Đại hội XIII nhấn mạnh thúc đẩy lợi ích quốc gia - dân tộc phải “trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi”, cùng phấn đấu vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Trong giai đoạn hiện nay, lợi ích quốc gia - dân tộc cao nhất là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thuận lợi cho phát triển đất nước; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và nền văn hóa dân tộc. Bên cạnh đó, Đại hội XIII bổ sung bảo đảm an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng, xã hội trật tự, kỷ cương cũng là những lợi ích quan trọng của quốc gia - dân tộc. Các thành tố nói trên có quan hệ chặt chẽ, tương hỗ và thống nhất với nhau, không thể coi nhẹ thành tố nào, đồng thời là căn cứ quan trọng nhất để xác định đối tác- đối tượng, hợp tác - đấu tranh trong đối ngoại, là “bất biến” để ứng phó với tình hình diễn biến nhanh, phức tạp.

***3. Về vị trí, vai trò và nhiệm vụ của đối ngoại***, điểm mới nổi bật trong đường lối đối ngoại Đại hội XIII là lần đầu tiên Đảng xác định rõ vị trí, vai trò tiên phong của đối ngoại trong “tạo lập và giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của đất nước”. Các nhiệm vụ này quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó giữ vững hòa bình, ổn định là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên; phục vụ phát triển đất nước là nhiệm vụ trung tâm; nâng cao vị thế và uy tín đất nước là nhiệm vụ quan trọng.

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, ông cha ta luôn lấy ngoại giao hòa hiếu làm thượng sách giữ nước. Trong đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đối ngoại đi đầu tạo thế “vừa đánh, vừa đàm”, tranh thủ ủng hộ quốc tế, phá bao vây cấm vận, mở ra cục diện phát triển mới cho đất nước. Trong công cuộc đổi mới, đối ngoại “đi đầu trong kiến tạo hòa bình, bảo vệ Tổ quốc và thu hút nguồn lực cho phát triển đất nước”. Như vậy, việc khẳng định vai trò tiên phong của đối ngoại trong văn kiện Đại hội XIII là bước phát triển mới về tư duy đối ngoại của Đảng trên cơ sở vận dụng sáng tạo tư tưởng giữ nước mang tính chủ động cao của dân tộc, đúc kết thực tiễn phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước, tiếp thu chọn lọc kinh nghiệm quốc tế và phù hợp với xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới.

*Trước hết*, vai trò tiên phong thể hiện ở việc đối ngoại đánh giá, dự báo tình hình, nhận diện thời cơ và thách thức để bảo vệ đất nước từ sớm, từ xa, nhanh nhạy phát hiện các vấn đề mới, tham mưu chiến lược, thúc đẩy đổi mới tư duy, tìm hướng đi thuận lợi cho phát triển đất nước. Vì vậy, Đại hội XIII nhấn mạnh “tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu chiến lược về đối ngoại, không để bị động, bất ngờ”. Nhiệm vụ này rất quan trọng, bởi chỉ có “biết mình”, “biết người”, “biết thời thế” mới có thể tranh thủ thời cơ, thuận lợi để phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong một thế giới vận động không ngừng, phức tạp và khó lường.

*Hai là*, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thuận lợi cho phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ chung của cả hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó có đối ngoại. Đặc thù của đối ngoại là sử dụng các phương thức, biện pháp hòa bình để ngăn ngừa, hóa giải và đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa, qua đó góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia.

Phát huy truyền thống giữ nước của ông cha ta là “hòa ở trong nước thì ít phải dùng binh, hòa ở ngoài biên thì không sợ báo động”, Đại hội XIII khẳng định tiếp tục đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là với các nước láng giềng, đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, các đối tác quan trọng và bạn bè truyền thống, “tạo thế đan xen lợi ích” và “tăng độ tin cậy”. Việc thực hiện tốt nhiệm vụ này sẽ giúp củng cố vững chắc cục diện đối ngoại ổn định, thuận lợi cho xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bên cạnh đó, đối ngoại cùng quốc phòng, an ninh giữ vững đường biên giới hòa bình, hợp tác và phát triển; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ. Đồng thời, tìm kiếm và phát huy điểm đồng về lợi ích để thúc đẩy hợp tác, linh hoạt và sáng tạo trong xử lý các tranh chấp trên cơ sở lợi ích quốc gia - dân tộc và luật pháp quốc tế; trong đó, tiếp tục thúc đẩy giải quyết các vấn đề trên biển trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước Liên hợp quốc về luật biển 1982.

*Ba là*, tiên phong huy động các nguồn lực bên ngoài cho phát triển đất nước. Một trong những lợi ích cơ bản của nước ta hiện nay là phấn đấu thực hiện mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Do đó, phát triển đất nước là mục tiêu xuyên suốt mọi hoạt động đối ngoại, theo đó tất cả trụ cột, binh chủng đối ngoại đều nỗ lực đóng góp vào thực hiện tầm nhìn và mục tiêu phát triển đất nước, trong đó ngoại giao kinh tế là nòng cốt. Như vậy, cùng với tư duy tiên phong, tư duy phát triển là điểm mới trong tư duy đối ngoại của Đảng tại Đại hội XIII.

Quán triệt “phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm”, đối ngoại tiếp tục tranh thủ hiệu quả các yếu tố quốc tế thuận lợi, các FTA đã ký và các cam kết, thỏa thuận quốc tế nhằm mở rộng thị trường, thu hút tri thức, công nghệ và đầu tư phục vụ đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần tăng cường năng lực tự chủ của nền kinh tế và sức mạnh tổng hợp quốc gia. Đối ngoại cũng tranh thủ các mối quan hệ chính trị tốt đẹp để xử lý các vấn đề phức tạp trong hợp tác, hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, vai trò tiên phong của đối ngoại đã được phát huy và thể hiện rõ qua hoạt động “ngoại giao vắc-xin”, tranh thủ sự hỗ trợ kịp thời, hiệu quả của quốc tế về vắc-xin, thiết bị y tế và thuốc điều trị, đóng góp quan trọng vào phòng, chống, thích ứng an toàn với Covid-19 và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội.

*Bốn là,* tiên phong mở đường, đồng hành, phục vụ lợi ích của người dân, địa phương và doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế. Một điểm mới là Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030 đề ra định hướng “xây dựng nền ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển, lấy người dân, địa phương và doanh nghiệp làm trung tâm”. Đây là sự vận dụng sáng tạo tư tưởng “lấy dân là gốc” trong đối ngoại, bởi việc thực hiện các nhiệm vụ đối ngoại xét đến cùng là nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ “việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh”, bám sát chủ trương, đường lối đối ngoại và phát triển kinh tế - xã hội, đối ngoại kiến tạo môi trường quốc tế thuận lợi, mở đường, đồng hành, hỗ trợ người dân, địa phương và doanh nghiệp tranh thủ tối đa cơ hội, lợi ích và giảm thiểu rủi ro, vượt qua thách thức của hội nhập quốc tế; đồng thời, bảo vệ lợi ích chính đáng của Nhà nước, người dân và doanh nghiệp Việt Nam trong hội nhập quốc tế.

*Năm là*, tiên phong nâng cao vị thế và uy tín đất nước thông qua phát huy vai trò nòng cốt, dẫn dắt, hòa giải, đảm nhận tốt các trọng trách quốc tế, đóng góp tích cực và có trách nhiệm vào quan tâm chung của thế giới. Đại hội XIII xác định đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương, phát huy vai trò của Việt Nam tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN, Liên hợp quốc, APEC, hợp tác tiểu vùng Mê Công và các khuôn khổ hợp tác cũng như trong những vấn đề quan trọng có tầm chiến lược, phù hợp với yêu cầu, khả năng và điều kiện của đất nước. Bên cạnh đó, việc tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền đối ngoại, bảo hộ công dân, ngoại giao văn hóa, triển khai toàn diện và mạnh mẽ hơn công tác người Việt Nam ở nước ngoài cũng góp phần quan trọng nâng cao hình ảnh, vị thế và uy tín đất nước.

Như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn “mọi việc thành công bởi chữ đồng”, đối ngoại chỉ có thể thực hiện tốt vai trò tiên phong khi được đặt trong tổng thể đối nội- đối ngoại, có được sự phối hợp chặt chẽ, đoàn kết và đồng thuận của các cấp, các ngành và toàn dân, trong đó điểm đồng ở đây là cùng nhau bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc. Có như vậy, mới phát huy được sức mạnh tổng hợp toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

***4. Triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng*** là định hướng bao trùm của đối ngoại trong giai đoạn phát triển mới của đất nước. *Thứ nhất*, tính đồng bộ thể hiện ở sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các trụ cột đối ngoại, bao gồm đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân, giữa các mối quan hệ với các đối tác, các lĩnh vực, nhất là đối ngoại quốc phòng, an ninh, giữa song phương và đa phương… *Thứ hai*, tính sáng tạo đòi hỏi đối ngoại không ngừng đổi mới, linh hoạt, khôn khéo xử lý các vấn đề phức tạp, tìm hướng đi, cách làm mới với “tinh thần chủ động tiến công, dám vượt ra khỏi những tư duy, những lĩnh vực quen thuộc để có suy nghĩ và hành động vượt tầm quốc gia, đạt tới tầm khu vực và quốc tế”. Đương nhiên, sáng tạo phải trên cơ sở giữ vững nguyên tắc, kiên định mục tiêu chiến lược. *Thứ ba*, tính hiệu quả thể hiện ở việc đưa các quan hệ đối ngoại đi vào chiều sâu, thực chất, thiết thực, huy động và kết hợp hiệu quả các nguồn lực bên ngoài với nguồn lực trong nước để phục vụ tốt nhất phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Sự phát triển của đất nước trong giai đoạn mới đặt ra yêu cầu ngày càng cao về tăng cường tính đồng bộ, sáng tạo và hiệu quả trong hoạt động đối ngoại.

Về hội nhập quốc tế, Đại hội XIII đặt ra yêu cầu về tính “toàn diện” và “sâu rộng”. Đó là, hội nhập quốc tế qua tất cả các kênh Đảng, Nhà nước và Nhân dân, song phương và đa phương, ở tất cả các cấp, các ngành, các lĩnh vực. Không chỉ rộng mở về không gian, hội nhập quốc tế tiếp tục đi vào chiều sâu, triển khai các cam kết quốc tế, trong đó thực hiện hiệu quả các cam kết sâu rộng của các FTA thế hệ mới, “chủ động tham gia, tích cực đóng góp, nâng cao vai trò của Việt Nam trong xây dựng, định hình các thể chế đa phương và trật tự chính trị - kinh tế quốc tế” vì lợi ích quốc gia - dân tộc và lợi ích chung của cộng đồng quốc tế trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

***5. Để đối ngoại phát huy vai trò tiên phong và hoàn thành tốt các định hướng, nhiệm vụ nói trên***, Đại hội XIII đề ra chủ trương *“xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân”*. Chủ trương mới này phản ánh sự trưởng thành của nền ngoại giao cách mạng Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, đồng thời cũng là một yêu cầu mới vừa mang tính chiến lược, lâu dài, vừa mang tính cấp thiết đối với đối ngoại và ngành ngoại giao trong bối cảnh mới.

Tính toàn diện của nền ngoại giao Việt Nam thể hiện ở chủ thể thực hiện đối ngoại bao gồm cả hệ thống chính trị, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và Nhân dân; trên tất cả các lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội; với tất cả đối tác, địa bàn, khu vực, trọng tâm là đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các nước láng giềng, đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, đối tác quan trọng và bạn bè truyền thống, chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương quan trọng có tầm chiến lược.

Tính hiện đại thể hiện ở tính chất nền ngoại giao Việt Nam là sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống, bản sắc ngoại giao của dân tộc, tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, đường lối đối ngoại của Đảng qua các thời kỳ và tinh hoa ngoại giao thời đại; ở vận hành nền ngoại giao trong khuôn khổ thể chế ngày càng hoàn thiện, gắn kết chặt chẽ, nhuần nhuyễn giữa đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân; ở tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả với phương thức hoạt động khoa học, chuẩn hóa và số hóa, có năng lực đổi mới, sáng tạo và chủ động thích ứng với chuyển biến mau lẹ của tình hình.

Nền ngoại giao Việt Nam với ba trụ cột là đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân luôn đặt dưới lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Đảng và sự quản lý tập trung của Nhà nước. Dù có vị trí, chức năng, vai trò và lợi thế khác nhau, nhưng ba trụ cột đối ngoại có quan hệ rất chặt chẽ và bổ trợ lẫn nhau bởi cùng thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng với mục tiêu chung vì lợi ích quốc gia - dân tộc. Điều này phản ánh bản chất nền ngoại giao Việt Nam là sự tổng hòa, thống nhất giữa tính đảng, tính quốc gia - dân tộc và tính dân chủ - nhân dân. Việc triển khai đồng bộ, phối hợp chặt chẽ và nhuần nhuyễn đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân sẽ phát huy thế mạnh của từng trụ cột đối ngoại, tạo nên sức mạnh tổng hợp của nền ngoại giao Việt Nam. Đây vừa là truyền thống và bài học quý báu, vừa là nghệ thuật “tập hợp lực lượng” độc đáo của đối ngoại cách mạng Việt Nam cần tiếp tục gìn giữ và phát huy trong giai đoạn mới.

Để xây dựng nền ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại, bên cạnh tiếp tục củng cố, hoàn thiện cơ chế phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các trụ cột, cơ quan đối ngoại, một trong những điều cốt yếu là cần có đội ngũ cán bộ đối ngoại toàn diện về bản lĩnh, phẩm chất và trí tuệ, hiện đại về phong cách và phương pháp làm việc, đổi mới, sáng tạo, ngang tầm với thời đại. Trong lịch sử dân tộc, chúng ta có nhiều nhà ngoại giao xuất sắc, là những tấm gương tiêu biểu về lòng yêu nước, bản lĩnh, phẩm chất đạo đức, tài trí và phong cách, nghệ thuật ngoại giao. Trước yêu cầu mới về xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại, cần tiếp tục đặc biệt coi trọng công tác cán bộ đối ngoại, nhất là cơ chế, chính sách và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đối ngoại toàn diện về phẩm chất, trình độ và năng lực. Thế hệ cán bộ đối ngoại và ngoại giao hôm nay phát huy truyền thống vẻ vang, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân, ra sức rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, không ngừng phấn đấu, nâng tầm trí tuệ, vững vàng, tự tin, kiên định và đổi mới sáng tạo vì sự nghiệp phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Đường lối đối ngoại Đại hội Đảng XIII kế thừa, phát triển và hoàn thiện đường lối đối ngoại của Đảng ta thời kỳ đổi mới, là kim chỉ nam cho triển khai đối ngoại đồng bộ, sáng tạo và hiệu quả trong thời gian tới. Để các chủ trương, định hướng đối ngoại của Đại hội XIII đi vào cuộc sống, cần sớm có chiến lược tổng thể về đối ngoại gắn kết chặt chẽ với chiến lược bảo vệ Tổ quốc và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, trên cơ sở đó thống nhất nhận thức và hành động, xây dựng và triển khai các chiến lược, đề án, kế hoạch, biện pháp đối ngoại trong từng lĩnh vực, với từng đối tác. Có như vậy, sẽ phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành và toàn dân để đối ngoại đóng góp xứng đáng vào thực hiện thắng lợi tầm nhìn, mục tiêu phát triển đất nước mà Nghị quyết Đại hội Đảng XIII đã đề ra.

**III- TĂNG CƯỜNG, ĐỔI MỚI, ĐA DẠNG HÓA CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ ĐỒNG BÀO VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA VÀ TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC**

Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài không ngừng lớn mạnh về số lượng, mở rộng hơn về địa bàn, đa dạng hơn về thành phần và ngày càng thành đạt hơn. Họ đều có nguyện vọng chung là ổn định cuộc sống, hội nhập với nước sở tại, đồng thời tiếp tục tham gia giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa và truyền thống dân tộc. Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm, chăm lo tới đời sống tinh thần cũng như đáp ứng nhu cầu được duy trì bản sắc văn hoá, truyền thống dân tộc của đồng bào ta ở nước ngoài. Các chỉ thị, nghị quyết, văn bản của Đảng, Nhà nước đã xác định rất rõ nội dung công tác hỗ trợ người Việt Nam ở nước ngoài giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá và truyền thống dân tộc[[1]](#footnote-2).

Nhận thức rõ vai trò của văn hóa và truyền thống dân tộc đối với việc phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tính cộng đồng gắn kết giữa cá nhân, gia đình, quê hương, Tổ quốc... Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, Bộ Ngoại giao (Ủy ban) đã tổ chức thực hiện nhiều hoạt động thiết thực, tạo điều kiện để kiều bào hiểu biết nhiều hơn về những giá trị văn hoá, truyền thống của dân tộc, như: hoạt động về nguồn, dạy và học tiếng Việt, hỗ trợ cộng đồng sinh hoạt tôn giáo và tín ngưỡng…

Việc duy trì và truyền bá tiếng Việt có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc cũng như đáp ứng nhu cầu của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, nhằm lưu truyền tiếng Việt cho thế hệ con cháu với tâm niệm “tiếng Việt còn, người Việt còn”. Vì vậy, Đảng và Nhà nước luôn xác định rõ: hỗ trợ kiều bào giữ gìn tiếng Việt là một trong những nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa lâu dài trong công tác cộng đồng. Công tác hỗ trợ giữ gìn tiếng Việt được triển khai với nhiều nội dung, như: xây dựng và thực hiện các đề án thúc đẩy công tác tiếng Việt; xây dựng và cung cấp giáo trình, dạy và học tiếng Việt; hỗ trợ việc dạy và học Tiếng Việt tại các địa bàn đông người Việt, như: ở Thái Lan và Đài Loan (Trung Quốc)... Với sự nỗ lực đó, việc dạy và học tiếng Việt đã phát triển mạnh ở nhiều nước trên thế giới.

Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm, hỗ trợ, tổ chức các hoạt động văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo dành cho người Việt Nam ở nước ngoài. Kết hợp vận động các cơ sở tôn giáo của người Việt Nam ở nước ngoài tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, hướng về quê hương, đất nước. Nhiều đoàn kiều bào đã được mời về nước dự các hoạt động, như: Đại lễ Phật đản Liên Hợp quốc, Tuần lễ văn hoá Phật giáo hướng về Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, Lễ cầu siêu anh linh các anh hùng liệt sỹ... nhằm tạo điều kiện cho kiều bào được tham gia các sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng trong nước, đồng thời giúp bà con hiểu rõ hơn tình hình và chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng, Nhà nước và đạo lý “uống nước, nhớ nguồn” của dân tộc.

Ngày 12/8/2021, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 12-KL/TW về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới, trên cơ sở quán triệt các quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 36 và Chỉ thị 45, đặt yêu cầu cao hơn, lần đầu tiên chỉ đạo “triển khai các biện pháp tổng thể” nhằm tạo ra hiệu quả đồng bộ và toàn diện hơn trong công tác về người Việt Nam ở nước ngoài. Theo đó, công tác người Việt Nam ở nước ngoài cần hướng tới các biện pháp có tính chuyên nghiệp, bài bản, dài hạn trong việc chăm lo, hỗ trợ cộng đồng trong giai đoạn mới./.

1. Điển hình như: Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 26/3/2004 của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài; Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 19/5/2015 của Bộ Chính trị khoá IX về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW; Kết luận số 12-KL/TW của Bộ Chính trị tiếp tục đặt ra yêu cầu cần đổi mới và đa dạng hóa công tác này để đáp ứng hiệu quả hơn nhu cầu của cộng đồng trong tình hình mới. [↑](#footnote-ref-2)